

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 486SD10/TCKT

"V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo soát xét
6 tháng đầu năm 2014 của công ty Mẹ và hợp nhất"

Hà nội, ngày 22 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ Việt Nam.

- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Theo kế hoạch, Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty CP Sông Đà 10.

Nay Công ty cổ phần Sông Đà 10 (Mã chứng khoán SDT) xin gửi quý Sở bản giải trình chênh lệch giữa số liệu báo cáo 6 tháng năm 2014 đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC so với số liệu đã công bố như sau:

PHẦN A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

A.1 Bảng cân đối kế toán:

I. Tổng tài sản tăng:

- | | |
|--------------------|------------------------|
| - Số đã công bố: | 2.577.249.843.288 đồng |
| - Số soát xét: | 2.578.075.246.066 đồng |
| - Chênh lệch tăng: | 825.402.778 đồng |

Tổng tài sản tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Khoản phải thu khách hàng (mã số 131) giảm:

- | | |
|--------------------|----------------------|
| - Số đã công bố: | 928.182.136.931 đồng |
| - Số soát xét: | 925.725.410.199 đồng |
| - Chênh lệch giảm: | 2.456.726.732 đồng |

Nguyên nhân:

- Do bù trừ công nợ phải thu của khách hàng (mã số 131) với phải trả cho người bán (mã số 312) tại Công ty mẹ: 465.485.736 đồng
- Do điều chỉnh từ khoản mục phải thu khác (MS 135) sang khoản mục phải thu khách hàng (MS 131) tại Công ty con: 1.991.240.996 đồng



2. Trả trước cho người bán (mã số 132) giảm:
- Số đã công bố: 37.174.074.087 đồng
 - Số soát xét: 36.939.119.801 đồng
 - Chênh lệch giảm: 234.954.286 đồng
- Nguyên nhân:* Do bù trừ công nợ ứng trước cho khách hàng và các khoản phải thu khác (mã số 135)
3. Các khoản phải thu khác (mã số 135) tăng:
- Số đã công bố: 26.439.914.246 đồng
 - Số soát xét: 28.666.109.528 đồng
 - Chênh lệch tăng: 2.226.195.282 đồng
- Nguyên nhân:*
Nguyên nhân:
- Do bù trừ công nợ ứng trước cho khách hàng và các khoản phải thu khác (mã số 132) tại Công ty mẹ: 234.954.286 đồng
 - Do điều chỉnh từ khoản mục phải thu khác (MS 135) sang khoản mục phải thu khách hàng (MS 131) tại Công ty con: 1.991.240.996 đồng
4. Hàng hoá tồn kho (mã số 141) tăng:
- Số đã công bố: 579.818.949.545 đồng
 - Số soát xét: 583.675.978.942 đồng
 - Chênh lệch tăng: 3.857.029.397 đồng
- Nguyên nhân:* Do xác định lại giá vốn: 3.773.389.827, đồng và khoản thuế GTGT đầu vào 83.639.570, đồng
5. Thuế GTGT được khấu trừ (mã số 152) giảm:
- Số đã công bố: 17.652.129.968 đồng
 - Số soát xét: 16.781.545.935 đồng
 - Chênh lệch giảm: 870.584.033 đồng
- Nguyên nhân:* Do bù trừ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu ra.
6. Tài sản cố định (mã số 221) giảm:
- Số đã công bố: 82.056.934.035 đồng
 - Số soát xét: 82.047.300.707 đồng
 - Chênh lệch giảm: 9.633.328 đồng
- Nguyên nhân:* Do điều chỉnh TSCĐ sang chi phí trả trước dài hạn (mã số 261)
7. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (mã số 259) tăng:
- Số đã công bố: -24.673.404.276 đồng
 - Số soát xét: -26.368.961.126 đồng
 - Chênh lệch tăng: 1.695.556.850 đồng
- Nguyên nhân:* Do trích bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

8. Chi phí trả trước dài hạn (mã số 261) tăng:

- Số đã công bố: 35.755.773.280 đồng
- Số soát xét: 35.765.406.608 đồng
- Chênh lệch giảm: 9.633.328 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh TSCĐ sang chi phí trả trước dài hạn (mã số 221)

II. Tổng nguồn vốn tăng:

- Số đã công bố: 2.577.249.843.288 đồng
- Số soát xét: 2.578.075.246.066 đồng
- Chênh lệch tăng: 825.402.778 đồng

Tổng nguồn vốn tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Phải trả cho người bán (mã số 312) giảm:

- Số đã công bố: 247.824.510.622 đồng
- Số soát xét: 247.359.024.886 đồng
- Chênh lệch giảm: 465.485.736 đồng

Nguyên nhân: Do bù trừ công nợ phải thu của khách hàng (mã số 131) với phải trả cho người bán (mã số 312)

2. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (mã số 314) tăng

- Số đã công bố: 43.258.830.122 đồng
- Số soát xét: 44.522.598.879 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.263.768.757 đồng

Nguyên nhân:

+ *Tăng:* Do tăng các khoản thuế phải nộp và khoản phạt theo kết quả thanh tra thuế: 2.050.713.220, đồng

+ *Giảm:* Do bù trừ thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT đầu ra: 786.944.463, đồng

3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 420) giảm:

- Số đã công bố: 61.610.157.491 đồng
- Số soát xét: 60.836.568.790 đồng
- Chênh lệch giảm: 773.588.701 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh các khoản thuế theo kết quả thanh tra thuế, xác định lại thuế TNDN 6 tháng đầu năm và xác định lại lợi ích cổ đông thiểu số.

4. Lợi ích cổ đông thiểu số (mã số 439) tăng:

- Số đã công bố: 130.649.854.298 đồng
- Số soát xét: 131.450.562.756 đồng
- Chênh lệch giảm: 800.708.458 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khi họp nhất báo cáo tài chính và xác định lại lợi ích cổ đông thiểu số.

A.2 Báo cáo kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận trước thuế đã công bố:	50.158.292.019 đồng
Lợi nhuận trước thuế soát xét:	50.295.735.871 đồng
Chênh lệch tăng:	137.443.852 đồng

Nguyên nhân: Việc tăng lợi nhuận trên báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 của đơn vị do ảnh hưởng của các chỉ tiêu sau:

1. Giá vốn hàng bán (mã số 11) giảm:

- Số đã công bố:	413.679.300.369 đồng
- Số soát xét:	409.905.910.542 đồng
- Chênh lệch giảm:	3.773.389.827 đồng

Nguyên nhân: Do xác định lại giá vốn 6 tháng đầu năm 2014

2. Chi phí hoạt động tài chính (mã số 22) tăng

- Số đã công bố:	31.974.901.437 đồng
- Số soát xét:	33.670.458.287 đồng
- Chênh lệch tăng:	1.695.556.850 đồng

Nguyên nhân: Do tăng trích lập dự phòng khoản đầu tư dài hạn

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp (mã số 25) giảm:

- Số đã công bố:	38.368.406.869 đồng
- Số soát xét:	38.258.082.774 đồng
- Chênh lệch giảm:	110.324.095 đồng

Nguyên nhân: Do xác định lại lợi ích tại Công ty con khi hợp nhất báo cáo tài chính.

4. Chi phí khác (mã số 32) tăng:

- Số đã công bố:	1.646.985.322 đồng
- Số soát xét:	2.069.833.849 đồng
- Chênh lệch tăng:	422.848.527 đồng

Nguyên nhân: Do xác định tăng khoản phạt chậm nộp thuế theo kết quả thanh tra thuế.

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (mã số 51) tăng:

- Số đã công bố:	14.537.961.393 đồng
- Số soát xét:	16.165.826.086 đồng
- Chênh lệch tăng:	1.627.864.693 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng:** Do tăng thuế TNDN theo kết quả thanh tra thuế: 1.654.984.450, đồng

* **Giảm:** Do xác định lại thuế TNDN 6 tháng đầu năm: 27.119.757 đồng

6. Lợi nhuận sau thuế (mã số 60) tăng:

- Số đã công bố:	50.158.292.019 đồng
- Số soát xét:	50.295.735.871 đồng

- Chênh lệch tăng: 137.443.852 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh các khoản liên quan trong báo cáo kết quả kinh doanh nêu trên.

B.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 20) giảm:

- Số đã công bố: -109.737.666.931 đồng
- Số soát xét: -107.727.971.390 đồng
- Chênh lệch giảm: 2.009.695.541 đồng

2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (mã số 30) tăng:

- Số đã công bố: -25.028.490.771 đồng
- Số kiểm toán: -27.023.186.312 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.994.695.541 đồng

Nguyên nhân:

a/ Tiền thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác (mã số 01) giảm:

- Số đã công bố: 529.295.964.998 đồng
- Số soát xét: 531.287.205.994 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.991.240.996 đồng

Nguyên nhân: Do tập hợp nhằm vào tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (mã số 27) tại Công ty ty con

b/ Tiền chi trả cho người lao động (mã số 03) tăng

- Số đã công bố: -148.547.606.252 đồng
- Số soát xét: -153.374.747.245 đồng
- Chênh lệch tăng: 4.827.140.993 đồng

Nguyên nhân: Do tập hợp nhằm vào tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 07) tại Công ty ty con

c/ Tiền chi trả lãi vay (mã số 04) tăng

- Số đã công bố: -33.764.990.315 đồng
- Số soát xét: -33.901.116.601 đồng
- Chênh lệch tăng: 136.126.286 đồng

Nguyên nhân: Do tập hợp nhằm vào tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 07) tại Công ty ty con

d/ Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 06) giảm

- Số đã công bố: 7.306.788.906 đồng
- Số soát xét: 4.885.643.472 đồng
- Chênh lệch giảm: 2.421.145.434 đồng

Nguyên nhân: Do tập hợp nhằm vào tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 07) tại Công ty ty con

- e/ Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 07) giảm
- Số đã công bố: -52.467.783.692 đồng
 - Số soát xét: -45.064.916.435 đồng
 - Chênh lệch giảm: 7.402.867.257 đồng

Nguyên nhân: Do tập hợp nhầm vào tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 07) tại Công ty ty con

3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (mã số 40) giảm:

- Số đã công bố: 85.213.021.029 đồng
- Số kiểm toán: 85.198.021.029 đồng
- Chênh lệch giảm: 15.000.000 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khoản chi phí kiểm toán vốn

PHẦN B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CTCP SÔNG ĐÀ 10 - CÔNG TY MẸ

B.1 Bảng cân đối kế toán:

I. Tổng tài sản tăng:

- Số đã công bố: 1.770.925.048.983 đồng
- Số soát xét: 1.771.567.714.365 đồng
- Chênh lệch tăng: 642.665.382 đồng

Tổng tài sản tăng do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Phải thu khách hàng (mã số 131) giảm:

- Số đã công bố: 768.524.616.441 đồng
- Số kiểm toán: 767.876.393.309 đồng
- Chênh lệch giảm: 648.223.132 đồng

Nguyên nhân: Do bù trừ công nợ phải thu của khách hàng (mã số 131) với phải trả cho người bán (mã số 312)

2. Trả trước cho người bán (mã số 132) giảm:

- Số đã công bố: 20.346.999.097 đồng
- Số soát xét: 20.112.044.811 đồng
- Chênh lệch giảm: 234.954.286 đồng

Nguyên nhân: Do bù trừ công nợ ứng trước cho khách hàng và các khoản phải thu khác (mã số 135)

3. Các khoản phải thu khác (mã số 135) tăng:

- Số đã công bố: 23.400.724.996 đồng
- Số soát xét: 23.635.679.282 đồng
- Chênh lệch tăng: 234.954.286 đồng

Nguyên nhân: Do bù trừ công nợ ứng trước cho khách hàng và các khoản phải thu khác (mã số 132)

4. Hàng hoá tồn kho (mã số 141) tăng:

- Số đã công bố: 478.070.292.098 đồng
- Số soát xét: 481.927.321.495 đồng
- Chênh lệch tăng: 3.857.029.397 đồng

Nguyên nhân: Do xác định lại giá vốn: 3.773.389.827, đồng và khoản thuế GTGT đầu vào 83.639.570, đồng

5. Thuế GTGT được khấu trừ (mã số 152) giảm:

- Số đã công bố: 4.144.089.254 đồng
- Số soát xét: 3.273.505.221 đồng
- Chênh lệch giảm: 870.584.033 đồng

Nguyên nhân: Do bù trừ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu ra.

6. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (mã số 259) tăng:

- Số đã công bố: -38.699.054.828 đồng
- Số soát xét: -40.394.611.678 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.695.556.850 đồng

Nguyên nhân: Do trích bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

II. Tổng nguồn vốn tăng:

- Số đã công bố: 1.770.925.048.983 đồng
- Số soát xét: 1.771.567.714.365 đồng
- Chênh lệch tăng: 642.665.382 đồng

Tổng nguồn vốn giảm do các khoản tăng, giảm như sau:

1. Phải trả cho người bán (mã số 312) giảm:

- Số đã công bố: 190.875.653.056 đồng
- Số soát xét: 190.227.429.924 đồng
- Chênh lệch giảm: 648.223.132 đồng

Nguyên nhân: Do bù trừ công nợ phải thu của khách hàng (mã số 131) với phải trả cho người bán (mã số 312)

2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (mã số 314) tăng:

- Số đã công bố: 34.489.799.636 đồng
- Số soát xét: 35.753.568.393 đồng
- Chênh lệch tăng: 1.263.768.757 đồng

Nguyên nhân:

+ *Tăng:* Do tăng các khoản thuế phải nộp và khoản phạt theo kết quả thanh tra thuế: 2.050.713.220, đồng

+ *Giảm:* Do bù trừ thuế GTGT đầu vào và thuế GTGT đầu ra: 786.944.463, đồng

3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 420) tăng:

- Số đã công bố:	46.275.688.574 đồng
- Số soát xét:	46.302.808.331 đồng
- Chênh lệch tăng:	27.119.757 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh các khoản thuế theo kết quả thanh tra thuế và xác định lại thuế TNDN 6 tháng đầu năm.

B.2 Báo cáo kết quả kinh doanh:

Lợi nhuận trước thuế đã công bố:	57.594.481.047 đồng
Lợi nhuận trước thuế soát xét:	59.249.465.497 đồng
Chênh lệch tăng:	1.654.984.450 đồng

Nguyên nhân:

Việc tăng lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty CTCP Sông Đà 10 - công ty mẹ do điều chỉnh các chỉ tiêu sau:

1. Giá vốn hàng bán (mã số 11) giảm:

- Số đã công bố:	387.239.998.523 đồng
- Số soát xét:	383.466.608.696 đồng
- Chênh lệch giảm:	3.773.389.827 đồng

Nguyên nhân: Do xác định lại giá vốn 6 tháng đầu năm

2. Chi phí hoạt động tài chính (mã số 22) tăng:

- Số đã công bố:	24.896.006.571 đồng
- Số soát xét:	26.591.563.421 đồng
- Chênh lệch tăng:	1.695.556.850 đồng

Nguyên nhân:

Do tăng trích lập dự phòng khoản đầu tư dài hạn: 1.695.556.850 đồng

3. Chi phí khác (mã số 32) tăng:

- Số đã công bố:	1.101.622.414 đồng
- Số soát xét:	1.524.470.941 đồng
- Chênh lệch tăng:	422.848.527 đồng

Nguyên nhân: Do xác định tăng khoản phạt chậm nộp thuế theo kết quả thanh tra thuế.

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (mã số 51) tăng:

- Số đã công bố:	11.797.038.597 đồng
- Số soát xét:	13.424.903.290 đồng
- Chênh lệch tăng:	1.627.864.693 đồng

Nguyên nhân:

* **Tăng:** Do tăng thuế TNDN theo kết quả thanh tra thuế: 1.654.984.450, đồng

* **Giảm:** Do xác định lại thuế TNDN 6 tháng đầu năm: 27.119.757 đồng

B.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (mã số 20) tăng:
 - Số đã công bố: -112.825.372.344 đồng
 - Số soát xét: -112.810.372.344 đồng
 - Chênh lệch tăng: 15.000.000 đồng
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (mã số 40) giảm:
 - Số đã công bố: 88.992.797.690 đồng
 - Số soát xét: 88.977.797.690 đồng
 - Chênh lệch giảm: 15.000.000 đồng

Nguyên nhân: Do điều chỉnh khoản chi phí kiểm toán vốn: Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (mã số 07) sang tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (mã số 31)

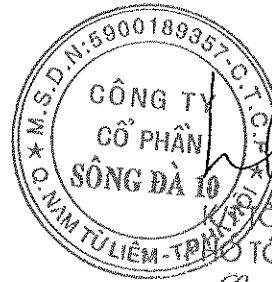
Kính đề nghị Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin cho các nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Sông Đà 10 xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/cáo)
- Lưu SD10

Qua



[Signature]
KẾ TỐNG GIÁM ĐỐC
ĐẠI BIỂU TỔNG GIÁM ĐỐC
Luo Đức Tiến

